

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2018/DS-ST
Ngày 30 tháng 01 năm 2018
“V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đức Hợi;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Văn Giang.

Ông: Y Do Niê.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 104/2017/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N. Trụ sở: Số M, đường T, phường M, quận T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình D – Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: số 55, đường N, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

Người được ủy quyền lại: Ông Đỗ Ngọc T theo văn bản ủy quyền số: 17/NHNo-UQ ngày 29/01/2018. Có mặt.

- *Bị đơn:* Vợ chồng ông Nguyễn Quang V, sinh năm 1957, bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959. Địa chỉ: thôn S, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Ông V vắng mặt, bà N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Những người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1958. Địa chỉ: thôn S, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 01/11/2017 và các lời khai của người đại diện cho nguyên đơn trình bày:*

Ngày 02/8/2016 ông Nguyễn Quang V và bà Nguyễn Thị N vay Ngân hàng N - Chi nhánh huyện M, tỉnh Đắk Lắk (viết tắt là Ngân hàng) số tiền 200.000.000đồng với thời hạn vay 12 tháng, thời hạn trả nợ vào ngày 01/8/2017. Tiền lãi trả theo kỳ, lãi suất trong hạn 10,8%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn, theo hợp đồng tín dụng số 5210-LAV-201601437 ngày 02/8/2016. Khi vay vợ chồng ông V bà N có thể chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số G35/2016/HĐTC ngày 01/8/2016. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số U 017439. Đất có diện tích 14.263m² tại thửa số 48, tờ bản đồ số 42, do UBND huyện M cấp cho hộ ông Nguyễn Quang V ngày 10/3/2002, đất tọa lạc tại thôn S, xã C, huyện M.

Đã quá thời hạn trả nợ nhưng ông V bà N không trả một khoản tiền nào cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông V bà N phải trả số nợ tính đến ngày xét xử (30/01/2018) là 238.220.000đồng (gồm 200.000.000đồng nợ gốc, 32.760.000 đồng tiền lãi trong hạn và 5.460.000đồng tiền lãi quá hạn).

Kể từ sau ngày xét xử cho đến khi trả xong nợ, vợ chồng ông V bà N còn tiếp tục phải trả tiền lãi trên số nợ gốc theo quy định của hợp đồng tín dụng.

** Qua biên bản lấy lời khai, bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Tháng 8 năm 2016 bà N và ông V vay Ngân hàng N - Chi nhánh huyện M số tiền 200.000.000đồng có thể chấp 01 quyền sử dụng đất đã được cấp GCNQSDĐ số U 017439 do UBND huyện M cấp cho hộ ông V vào ngày 10/3/2002 đối với diện tích đất tại thôn S, xã C, huyện M. Mục đích vay dùng để chăm sóc mía, chăn nuôi bò và mua các vật dụng gia đình. Tuy nhiên, do mất mùa nên gia đình bà N ông V chưa thể trả khoản tiền vay cho Ngân hàng được.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Bị đơn ông Nguyễn Quang V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, bà Nguyễn Thị N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, việc Tòa án niêm yết văn bản tố tụng và tiến hành giải quyết vắng mặt ông V và bà N là đúng quy định của pháp luật.

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa đảm bảo quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N là có căn cứ, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Trong trường hợp bị đơn không trả được thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại: thôn S, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn ủy quyền cho người đại diện tham gia phiên tòa, căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận việc ủy quyền của nguyên đơn. Bị đơn ông Nguyễn Quang V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đại diện cho nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận ngày 02/8/2016 các bên đã xác lập hợp đồng tín dụng số 5210-LAV-201601437. Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, bên vay đã thế chấp quyền sử dụng đất. Các bên giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Đã quá thời hạn, nhưng bên vay không thực hiện đúng với nội dung hợp đồng đã cam kết. Do đó, đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là có cơ sở. Nên HĐXX căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự để buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ hợp đồng cho nguyên đơn.

[2.2] Đối với khoản tiền mà Ngân hàng N yêu cầu vợ chồng ông V bà N phải trả bao gồm tiền gốc cho vay 200.000.000đồng, tiền lãi suất trong hạn 32.760.000đồng, tiền lãi suất quá hạn tính đến ngày 30/01/2018 là 5.460.000đồng. Xét yêu cầu của ngân hàng đối với khoản tiền cho vay cũng như tiền lãi phát sinh là phù hợp với nội dung hợp đồng mà hai bên đã cam kết. Do vậy cần buộc ông Nguyễn Quang V và bà Nguyễn Thị N phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ và tiền lãi suất là 238.220.000đồng (tính đến ngày 30/01/2018), theo hợp đồng tín dụng số 5210-LAV-201601437 ngày 02/8/2016.

[2.3] Kể từ ngày 31/01/2018 vợ chồng ông V bà N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân

hàng cho vay thì lãi suất cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[2.4] Đối với tài sản là diện tích đất 14.263m² tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 42, theo GCNQSDĐ số U017439 của UBND huyện M đã cấp cho hộ ông V vào ngày 10/3/2002, đất tọa lạc tại thôn S, xã C, huyện M. Đây là tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông V và bà N, các bên xác nhận đã thế chấp nhằm bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ. Do vậy, trong trường hợp ông V và bà N không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng N, thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo quy định của luật thi hành án để thu hồi nợ.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn vợ chồng ông V và bà N phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn (238.220.000đồng x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 85; Điều 92; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 137; Điều 138, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Quang V, bà Nguyễn Thị N phải trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện M, tỉnh Đắk Lắk 238.220.000đồng (gồm 200.000.000đồng nợ gốc, 38.220.000đồng tiền lãi) tiền nợ theo hợp đồng tín dụng số 5210-LAV-201601437 ngày 02/8/2016.

Kể từ ngày 31/01/2018 vợ chồng ông V và bà N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp ông V và bà N không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng N, thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo quy định của luật thi hành án để thu hồi nợ.

2. Về án phí:

- Bị đơn vợ chồng ông V và bà N phải chịu 11.911.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M, tỉnh Đắk Lắk 5.787.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0004550 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện M.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M’Đrăk;
- THADS huyện M’Đrăk;
- Đương sự;
- Lưu HS.

(Đã ký)

Võ Đức Hợi